

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày 18-01-2022
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

2. Bà **Trần Thu Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1957.

2/ Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng C**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà **Phan Thị P**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

(chị C và bà P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng C trình bày:***

Vào ngày 22/4/2020 (âm lịch), bà Phan Thị P, sinh năm 1969, trú tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T có mượn của bà Lê Thị L, sinh năm 1957 và ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961, cùng trú tại ấp B, xã Thanh N, huyện G, tỉnh T số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), có làm giấy mượn tiền ngày 22/04/2020, giấy mượn tiền này do chị C viết, bà P ký tên, ghi họ tên, theo giấy mượn tiền này thì thỏa thuận vào 01/5/2020 bà P sẽ bắt đầu trả cho ông B, bà L mỗi tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), trả đến khi trả hết số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Tuy nhiên trong quá trình thực hiện thì bà P đã không thực hiện đúng như thỏa thuận, mỗi tháng bà P chỉ trả 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), có tháng chỉ trả 1.000.000 đồng (một triệu đồng), có khi mấy tháng không trả, mỗi lần bà P trả tiền là do chị Nguyễn Thị Hồng C là con ruột của bà L, ông B đến nhà bà P để nhận thay bà L, ông B. Khi nhận tiền thì chị C đã về giao lại đủ số tiền đã nhận cho bà L, ông B.

Việc bà P trả tiền không thực hiện đúng như thỏa thuận, kéo dài thời gian trả nợ, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L, ông B. Trong thời gian mượn tiền thì bà P có trả được cho bà L, ông B số tiền là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng), thời gian trả thì không nhớ rõ, bà P hiện nay còn nợ lại bà L, ông B số tiền là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng).

Nay bà L, ông B yêu cầu bà Phan Thị P trả số tiền là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

**** Bị đơn bà Phan Thị P trình bày:***

Vào ngày 22/4/2020 (âm lịch), bà P có mượn của bà Lê Thị L, sinh năm 1957 và ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961, cùng trú tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), thỏa thuận vào ngày 01/5/2020 bà P sẽ bắt đầu trả cho ông B, bà L mỗi tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), trả đến khi trả hết số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Giấy mượn tiền ngày 22/4/2020 này là do chị C viết và bà P có ký tên, ghi họ, tên vào giấy mượn tiền này. Trong quá trình mượn tiền thì mỗi tháng bà P có trả cho bà L, ông B số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), có tháng trả 1.000.000 đồng (một triệu đồng), có khi mấy tháng ngưng không trả do bà P không có tiền để trả, mỗi lần bà P trả tiền đều do chị C (con ruột của bà L, ông B) đến nhà bà P để nhận, bà P thừa nhận bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả

tiền như cam kết. Tổng số tiền bà P đã trả cho bà L, ông B được là 24.000.000 đồng, hiện nay bà P còn nợ lại bà L, ông B số tiền là 96.000.000 đồng.

Nay bà L, ông B yêu cầu bà P trả số tiền là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng) trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật thì bà P có ý kiến là bà P đồng ý trả cho bà L, ông B số tiền là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng) nhưng do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả một lần, xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) trả cho đến khi trả hết số nợ là 96.000.000 đồng, xin không trả lãi.

*** Tại phiên tòa,**

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà P trả số tiền là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng), yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn bà P vẫn giữ nguyên lời trình bày, bà đồng ý trả số tiền là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng) nhưng xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) trả cho đến khi trả hết số tiền là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng), xin không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị Hồng C và bà Phan Thị P là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà L, ông B có chị C là đại diện theo ủy quyền yêu cầu: Bà Phan Thị P trả số tiền là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng) trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi

Xét yêu cầu của bà L, ông B là có cơ sở bởi lẽ: Giữa bà L, ông B và bà P có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là: Giấy mượn tiền lập ngày 22/4/2020 do bà P ký tên, ghi họ tên, trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện thì bà P đều thống nhất thừa nhận biên nhận này do chính bà ký tên, ghi họ tên. Chị C và bà P đều thống nhất thừa nhận giữa bà L, ông B và bà P có thỏa thuận bà P sẽ trả cho bà L, ông B mỗi tháng là 5.000.000 đồng nhưng thực tế mỗi tháng bà Phượng chỉ trả được 2.000.000 đồng, có khi trả 1.000.000 đồng, có khi mấy tháng bà P không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà L, ông B. Tuy nhiên bà P vẫn đồng ý trả số nợ còn lại là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng) nhưng do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả một lần nên bà P xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng, trả đến khi trả hết số tiền nợ 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng). Xét yêu cầu xin trả dần của bà P không được chị C đại diện theo ủy quyền của ông L, bà B đồng ý, xét thấy việc bà P xin trả dần là

kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi cho bà L, ông B nên yêu cầu xin trả dần của bà P không được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu trả lãi: Bà L, ông B không yêu cầu bà P trả lãi, đây là sự tự nguyện của bà L, ông B phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, ông B nên bà P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn B.

- Buộc bà Phan Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn B số tiền là **96.000.000 đồng** (*chín mươi sáu triệu đồng*).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L, ông B cho đến khi thi hành án xong, bà P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn B là người cao tuổi được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên không phải hoàn lại.

+ Bà Phan Thị P phải chịu số tiền là **4.800.000 đồng** (*bốn triệu tám trăm ngàn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thanh Trinh